TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **334**/2018/HNGĐ-ST Ngày: 29-3-2018 Về việc tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hoài Nam

Bà Phan Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 449/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1603/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyen Tan P**,** sinh năm 1966; Quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: 17027 C H, T 77084, Hoa Kỳ.

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị Tường V, sinh năm 1976; nơi cư trú: Cư xá A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2017 (Đã được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại H, T, Hoa Kỳ hợp pháp hóa lãnh sự số 1357/HPH/2017 ngày 18 tháng 8 năm 2017), nguyên đơn Ông Nguyen Tan P trình bày:

Ông và Bà Lương Thị Tường V đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 8 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175. Một tháng sau khi kết hôn ông trở về Hoa Kỳ còn Bà V tiếp tục sinh

sống tại Việt Nam. Hai người vẫn giữ liên lạc qua điện thoại, tuy nhiên, do sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống xa cách làm hai người không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn Bà Lương Thị Tường V để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Ông và Bà Lương Thị Tường V không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn Bà Lương Thị Tường V trình bày:

Bà và Ông Nguyen Tan P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 01 tháng 8 năm 2016 do Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hai người chung sống được khoảng một tháng tại Việt Nam thì Ông Nguyen Tan P trở về Hoa Kỳ, vợ chồng bà vẫn giữ liên lạc với nhau qua điện thoại. Mâu thuẫn phát sinh do cách sống và quan điểm sống không phù hợp, mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành, ngược lại còn mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Bà và Ông Nguyen Tan P không còn qan tâm, chăm sóc hay liên lạc gì với nhau từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyen Tan P, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà và Ông Nguyen Tan P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn trong vụ án là Ông Nguyen Tan P hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, bị đơn Bà Lương Thị Tường V cư trú tại quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; Nguyên đơn trong vụ án là Ông Nguyen Tan P hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và không tiến hành thu thập chứng cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn và Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 01 tháng 8 năm 2016 do Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa Ông Nguyen Tan P và Bà Lương Thị Tường V được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của các đương sự thì sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng chỉ kéo dài trong một tháng, sau đó Ông Nguyen Tan P trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Cả hai người đều xác nhận do bất đồng về quan điểm sống, thời gian chung sống ngắn ngủi và việc sống xa cách làm phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 10 năm 2016 đến nay, Ông P và Bà V đã không còn liên hệ hay quan tâm đến nhau. Ông Nguyen Tan P khởi kiện yêu cầu ly hôn và Bà Lương Thị Tường V đồng ý.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã tồn tại trong một thời gian dài mà không thể giải quyết, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng; hai người xác định đã không còn tình cảm với nhau, không còn mong muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình nên cùng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho Ông Nguyen Tan P được ly hôn với Bà Lương Thị Tường V.

Về con chung: Ông Nguyen Tan P và Bà Lương Thị Tường V trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyen Tan P và Bà Lương Thị Tường V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ông Nguyen Tan P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ông Nguyen Tan P:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyen Tan P được ly hôn với Bà Lương Thị Tường V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 01 tháng 8 năm 2016 do Ủy ban nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyen Tan P và Bà Lương Thị Tường V khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyen Tan P và Bà Lương Thị Tường V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ông Nguyen Tan P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0047828 ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Người nộp ông Bùi Duy T), Ông Nguyen Tan P đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; Bị đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND quận C, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Thị Hoài Nam	**Phan Thị Nghĩa**	**Nguyễn Văn Tuấn**